

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt “Kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp
công nghệ cao đến năm 2020”

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mục tiêu, nội dung của Kế hoạch và các giải pháp phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao và các chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao phù hợp với Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định số 49/2010/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng:

Đối tượng áp dụng của Quyết định này là các dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao, bao gồm các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao; phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao; đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế phục vụ phát triển công

ngành công nghệ cao; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra công nghệ cao để áp dụng vào sản xuất công nghiệp hoặc nghiên cứu ứng dụng, thích nghi, làm chủ, sáng tạo công nghệ nhập từ nước ngoài vào phát triển sản xuất sản phẩm công nghệ cao tại Việt Nam.

Điều 2. Mục tiêu, nội dung

1. Mục tiêu:

a) Mục tiêu chung:

- Phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao, phần đầu đến năm 2020, giá trị sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 45% trong tổng GDP với tỷ lệ sản xuất trong nước chiếm khoảng 50% giá trị sản phẩm.

- Sản xuất được trong nước một số sản phẩm công nghiệp công nghệ cao có khả năng cạnh tranh; đáp ứng khoảng 45% nhu cầu sản phẩm công nghệ cao thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng trong nước đồng thời đạt giá trị xuất khẩu khoảng 25% giá trị sản lượng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Giai đoạn 2011-2015

+ Ứng dụng công nghệ cao vào các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao để đến năm 2015 giá trị sản xuất công nghiệp công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt khoảng 35% trong tổng GDP.

+ Trên cơ sở các công nghệ cao được nhập khẩu và các công nghệ cao được nghiên cứu tạo ra ở trong nước, phát triển khoảng 200 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao.

+ Hình thành và phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ cao: công nghệ thông tin - truyền thông; công nghệ sinh học; công nghệ vật liệu; công nghệ tự động hoá.

+ Giai đoạn 2016 - 2020

+ Phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao và các sản phẩm ứng dụng công nghệ cao với giá trị sản xuất công nghiệp đạt khoảng 45% trong tổng GDP, trong đó xuất khẩu đạt khoảng 25% giá trị sản lượng;

+ Phát triển khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao;

+ Sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao có khả năng cạnh tranh và mở rộng đối tượng sản phẩm được sản xuất trong nước phù hợp với yêu cầu của từng thời kỳ.

2. Nội dung:

a) Đầu tư mới hoặc đầu tư bổ sung để nâng cấp công nghệ và thiết bị các nhà máy sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao. Phát triển sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc các lĩnh vực công nghệ khuyến khích phát triển như sau:

- Trong lĩnh vực công nghệ thông tin - truyền thông: Công nghiệp sản xuất, chế tạo pin, ắc quy có hiệu năng cao cho các thiết bị thông tin và truyền thông; hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và thiết bị sử dụng hệ thống vi cơ điện tử, hệ thống nano cơ điện tử; màn hình độ phân giải cao...

- Trong lĩnh vực công nghệ sinh học: Ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến, trong sản xuất nhiên liệu sinh học, trong ngành hóa dược; sản xuất các protein, enzym tái tổ hợp sử dụng trong dược phẩm, thực phẩm, công nghiệp và xử lý môi trường; vắc xin ADN tái tổ hợp; vắc - xin protein tái tổ hợp dùng cho người, gia súc, gia cầm và thủy sản; nhiên liệu sinh học được sản xuất bằng công nghệ sinh học từ tảo, phế phẩm nông nghiệp, chất thải...

- Trong lĩnh vực công nghệ vật liệu mới: Nghiên cứu và sản xuất vật liệu nano cho công nghiệp, nông nghiệp, y tế, sinh học và môi trường; nano composit cho một số ngành công nghiệp; nhựa kỹ thuật có độ bền kéo và mô đun đàn hồi cao, bánh răng, hộp giảm tốc bằng nhựa kỹ thuật; thép hợp kim không gỉ, hợp kim bền nóng, chịu mài mòn, chịu ăn mòn và hợp kim đặc biệt dùng cho công nghiệp, ngành điện, đóng tàu, khí tài quân sự...

- Trong lĩnh vực công nghệ tự động hoá: Nghiên cứu và chế tạo hệ thống thiết bị đo lường, các cơ cấu chấp hành, các bộ điều khiển và giám sát tự động cho các hệ thống thiết bị đồng bộ; robot công nghiệp chuỗi hờ; robot song song có 3 bậc tự do trở lên; bộ điều khiển số CNC cho máy công cụ và gia công chế tạo; chip chuyên dụng cho các cơ cấu đo lường, chấp hành và bộ điều khiển; cảm biến và cơ cấu chấp hành thông minh; thiết bị y tế kỹ thuật số như máy X quang, máy siêu âm, thiết bị laser y tế, động cơ, máy khoan dùng cho nha khoa; thiết bị và trạm phát điện dùng năng lượng gió, mặt trời, thủy triều; động cơ đốt ngoài Stirling.

b) Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghệ cao để sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trên cơ sở tiếp nhận và chuyển giao các kết quả nghiên cứu công nghệ cao từ các chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trong nước hoặc nhập khẩu và ứng dụng vào sản xuất một số sản phẩm công nghiệp công nghệ cao có nhu cầu thiết yếu, có tiềm năng thị trường hoặc có khả năng cạnh tranh.

c) Phát triển công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao theo quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 2 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ.

d) Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao:

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt về khoa học và công nghệ để đến năm 2020 có khoảng 500 cán bộ lãnh đạo có đủ khả năng triển khai các dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao; bồi dưỡng nâng cao trình độ cho khoảng 10.000 chuyên gia, kỹ sư thuộc các lĩnh vực công nghệ cao khuyến khích phát triển;

- Đào tạo tại các trường đại học trong nước và ngoài nước cho các chuyên gia, kỹ sư trong các lĩnh vực công nghệ cao, phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 20.000 chuyên gia, kỹ sư được đào tạo và làm việc trong các dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao.

3. Các giải pháp

a) Về phát triển sản xuất:

Các dự án đầu tư phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao (kể cả dự án đầu tư mới và đầu tư bổ sung), các dự án ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao được hưởng các ưu đãi cao nhất theo quy định của Luật Công nghệ cao và các quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

b) Về phát triển doanh nghiệp công nghiệp công nghệ cao:

Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp công nghệ cao được hình thành và phát triển trên cơ sở ứng dụng các công nghệ cao được nghiên cứu và chuyển giao trong nước hoặc công nghệ cao được chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam được hưởng các ưu đãi quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

c) Về phát triển công nghiệp hỗ trợ:

- Xây dựng Quy hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao làm cơ sở hướng dẫn đầu tư, phát triển thị trường, phát triển sản phẩm, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong năm 2012.

- Các dự án phát triển sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho phát triển công nghiệp công nghệ cao được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi quy định tại Quyết định số 12/2011/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ.

d) Về đào tạo nguồn nhân lực:

Các dự án đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp công nghệ cao được hưởng các ưu đãi quy định tại Quyết định số 2457/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển một số ngành công nghiệp công nghệ cao đến năm 2020, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao do Thứ trưởng Bộ Công Thương làm Chủ tịch Hội đồng, thành viên gồm các Bộ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Ngân hàng phát triển Việt Nam và các cơ quan có liên quan để thẩm định các dự án phát triển công nghiệp công nghệ cao, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung của Quyết định, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kịp thời phản ánh với Bộ Công Thương để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b). KH 240



**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Hàng Trung Hải